

CÔNG TY CỔ
PHẦN SẢN
XUẤT VÀ
CUNG ỨNG
VẬT LIỆU XÂY
DỰNG KON
TUM

Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN SẢN XUẤT
VÀ CUNG ỨNG
VẬT LIỆU XÂY
DỰNG KON TUM
Date: 2025.03.30
20:33:15 +07'00'

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU
XÂY DỰNG KONTUM**

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 25



BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100102662, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 30 tháng 9 năm 2022 do thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán hàng hóa, sản xuất và cung cấp vật liệu xây dựng.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Lưu Thị San	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Kim Trường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2024
Ông Lê Quang Thạch	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2024
Bà Phan Thu Thủy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2024
Ông Dương Quốc Chi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2024
Ông Hoàng Văn Công	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2024
Bà Đào Thị Hằng Nga	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2024
Bà Phạm Thị Bích Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2024
Bà Trương Thị Mai Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2024
Bà Vũ Thị Kim Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2024
Bà Hoàng Thị Nhấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2024
Bà Trịnh Diệu Linh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2024

Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Hoàng Văn Công	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2020
Ông Nguyễn Tiến Độ	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Quang Huy	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Hoàng Văn Công – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2020)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Hoàng Văn Công

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

815
NH
ÔNG
NHIỆM
OÁN V
A &
HÀ
ĐA -

Số: 2.0321/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CÒ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

00.
NH
TY
HUU
TU
C
VU
P.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến ngoại trừ về Báo cáo tài chính đó tại ngày 20 tháng 5 năm 2024. Ý kiến ngoại trừ liên quan đến không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại thời điểm kết thúc năm tài chính do được bổ nhiệm kiểm toán sau thời điểm này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1794-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

IAN
IAN
IAN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		27.206.116.680	64.163.106.602
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	452.925.960	3.220.479.734
1.	Tiền	111		452.925.960	3.220.479.734
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		324.771.219	305.236.108
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	324.771.219	305.236.108
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		7.282.001.182	9.678.851.430
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	7.240.287.423	5.463.060.423
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		41.713.759	116.636.324
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136		-	4.099.154.683
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		18.310.115.652	50.362.753.214
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	18.310.115.652	50.362.753.214
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		836.302.667	595.786.116
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	803.134.451	303.461.118
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	259.156.782
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	33.168.216	33.168.216
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		74.226.439.323	69.338.042.406
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		115.327.983	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		115.327.983	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		46.098.783.202	48.438.042.406
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	46.098.783.202	48.438.042.406
<i>Nguyên giá</i>	222		61.942.321.944	61.942.321.944
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(15.843.538.742)	(13.504.279.538)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		28.011.191.138	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	28.011.191.138	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	20.900.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	-	20.900.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.137.000	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.137.000	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		101.432.556.003	133.501.149.008

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG UNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		13.498.877.074	48.020.715.096
I. Nợ ngắn hạn	310		11.068.877.074	42.162.715.096
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	10.920.000	10.723.066.808
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	1.276.000.000	19.281.909.815
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.000.478.369	801.506.278
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	103.639.337	29.194.030
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		48.973.044	57.104.641
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	8.628.866.324	11.269.933.524
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.430.000.000	5.858.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	2.430.000.000	5.858.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		87.933.678.929	85.480.433.912
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	87.933.678.929	85.480.433.912
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		66.000.000.000	66.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.933.678.929	19.480.433.912
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.480.433.912	19.480.433.912
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.453.245.017	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		101.432.556.003	133.501.149.008

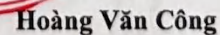
Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Tiến Độ

Nguyễn Tiến Độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

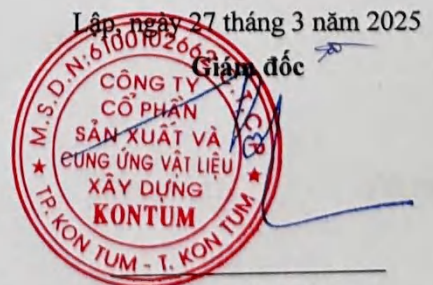
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	116.582.626.200	110.769.975.187
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		116.582.626.200	110.769.975.187
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	113.365.848.946	104.211.316.740
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.216.777.254	6.558.658.447
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.110.085.083	14.235.606
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.415.673.850	1.945.493.448
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.414.915.578	1.944.638.074
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	722.558.116	915.354.401
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.188.630.371	3.712.046.204
11. Thu nhập khác	31		7.209.975	16.186.571
12. Chi phí khác	32	VI.6	103.426.884	576.520.240
13. Lợi nhuận khác	40		(96.216.909)	(560.333.669)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.092.413.462	3.151.712.535
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	639.168.445	825.618.124
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.453.245.017</u>	<u>2.326.094.411</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>372</u>	<u>352</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	<u>372</u>	<u>352</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Độ

Nguyễn Tiến Độ



Hoàng Văn Công

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.092.413.462	3.151.712.535
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.6	2.339.259.204	2.339.259.204
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(41.775)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2.109.535.111)	(14.193.831)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.414.915.578	1.944.638.074
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.737.053.133	7.421.374.207
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.540.679.047	3.892.181.624
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		32.052.637.562	(10.246.260.493)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(28.354.663.998)	9.260.978.458
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(500.810.333)	(303.461.118)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.340.470.271)	(2.035.241.457)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(811.720.576)	(2.536.233.120)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.322.704.564	5.453.338.101
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(28.011.191.138)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19.535.111)	(13.980.280)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b	22.990.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.535.111	14.193.831
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.021.191.138)	213.551

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.12	11.791.244.955	27.717.812.165
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.12	(17.860.312.155)	(30.712.000.660)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.069.067.200)	(2.994.188.495)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.767.553.774)	2.459.363.157
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.220.479.734	761.074.802
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	41.775
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	452.925.960	3.220.479.734

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Tiến Độ

Nguyễn Tiến Độ



Hoàng Văn Công

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán hàng hóa, sản xuất và cung cấp vật liệu xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 15 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 20 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT - BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT - BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ. Công cụ dụng cụ đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	20

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

315
NH
NG
HIỆN
ÁN V
HÀ
1-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. **Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	422.585.009	3.202.621.056
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.340.951	17.858.678
Cộng	452.925.960	3.220.479.734

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam với lãi suất 6,4%/năm. Khoản tiền gửi được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này.

2b. Đầu tư vào Công ty con

Số đầu năm là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm. Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty con với giá chuyển nhượng 22.990.000.000 VND, ghi nhận lãi 2.090.000.000 VND.

Cam kết góp vốn

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 24 tháng 5 năm 2023, Công ty góp vốn thành lập Công ty con là Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Kontum với số vốn điều lệ 60.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa thực hiện việc góp vốn.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ EMP	7.220.070.000	-
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	-	5.263.200.000
Các khách hàng khác	20.217.423	199.860.423
Cộng	7.240.287.423	5.463.060.423

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.125.633.513	-	5.220.632.046	-
Công cụ, dụng cụ	30.353.437	-	30.353.437	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	51.996.001	-
Thành phẩm	8.361.034.114	-	7.333.434.428	-
Hàng hóa	2.793.094.588	-	37.726.337.302	-
Cộng	18.310.115.652	-	50.362.753.214	-

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	758.538.650	294.538.650
Chi phí bảo hiểm	11.262.468	8.922.468
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	33.333.333	-
Cộng	803.134.451	303.461.118

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.209.805.887	29.732.516.057	61.942.321.944
Số cuối năm	32.209.805.887	29.732.516.057	61.942.321.944
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	243.510.038	243.510.038
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.765.787.511	8.738.492.027	13.504.279.538
Khấu hao trong năm	835.168.897	1.504.090.307	2.339.259.204
Số cuối năm	5.600.956.408	10.242.582.334	15.843.538.742
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	27.444.018.376	20.994.024.030	48.438.042.406
Số cuối năm	26.608.849.479	19.489.933.723	46.098.783.202
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 46.098.783.202 VND đã được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng (xem thuyết minh V.12).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, chi tiết phát sinh:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Chi phí phát sinh trong năm	28.011.191.138	-
Số cuối năm	28.011.191.138	-

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần CRC Solar Cell	-	10.260.168.700
Các nhà cung cấp khác	10.920.000	462.898.108
Cộng	10.920.000	10.723.066.808

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ CRC	1.276.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhật nguyên xanh Solar	-	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	-	6.422.552.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản GHT	-	4.657.305.135
Các khách hàng khác	-	702.052.680
Cộng	1.276.000.000	19.281.909.815

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	371.524.222	-	371.524.222	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	801.506.278	-	639.168.445	(811.720.576)	628.954.147	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	33.168.216	-	-	-	33.168.216
Thuế nhà đất	-	-	157.819.077	(157.819.077)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	103.428.765	(103.428.765)	-	-
Cộng	801.506.278	33.168.216	1.317.600.919	(1.118.628.828)	1.000.478.369	33.168.216

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.092.413.462	3.151.712.535
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	103.428.765	547.462.487
- Các khoản điều chỉnh giảm	103.428.765	547.462.487
	-	-
Thu nhập tính thuế	3.195.842.227	3.699.175.022
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	639.168.445	739.835.004
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	85.783.120
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	639.168.445	825.618.124

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	74.445.307	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	29.194.030	29.194.030
Cộng	103.639.337	29.194.030

12. Vay**12a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kontum	-	5.917.117.200
Vay ngắn hạn cá nhân	-	42.732.305
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.12b)	8.628.866.324	5.310.084.019
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kontum	2.811.634.019	1.911.634.019
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Mỹ Đình	948.000.000	948.000.000
Ông Nguyễn Công Nam	4.869.232.305	2.450.450.000
Cộng	8.628.866.324	11.269.933.524

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	5.917.117.200	42.732.305	5.310.084.019	11.269.933.524
Số tiền vay phát sinh trong năm	4.716.244.955	-	-	4.716.244.955
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	8.628.866.324	8.628.866.324
Số tiền vay đã trả trong năm	(10.633.362.155)	(42.732.305)	(5.310.084.019)	(15.986.178.479)
Số cuối năm	-	-	8.628.866.324	8.628.866.324

12b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.910.000.000	5.858.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kontum ⁽ⁱ⁾	-	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Mỹ Đình ⁽ⁱⁱ⁾	1.910.000.000	2.858.000.000
Vay dài hạn cá nhân - Ông Nguyễn Công Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	520.000.000	-
Cộng	2.430.000.000	5.858.000.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- ⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum theo hợp đồng ngày 01/12/2015 để đầu tư Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất gạch Tuynel với lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.6).
- ⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Mỹ Đình theo hợp đồng ngày 30/10/2020 để tài trợ dự án điện mặt trời mái nhà với lãi suất thả, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Công ty Điện lực địa phương và thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.6).
- ⁽ⁱⁱⁱ⁾ Vay không có tài sản đảm bảo Ông Nguyễn Công Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 18 tháng. Số tiền vay và lãi vay được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	5.669.634.019	3.759.634.019	1.910.000.000	-
Vay dài hạn cá nhân	5.389.232.305	4.869.232.305	520.000.000	-
Cộng	11.058.866.324	8.628.866.324	2.430.000.000	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	8.717.634.019	2.859.634.019	5.858.000.000	-
Vay dài hạn cá nhân	2.450.450.000	2.450.450.000	-	-
Cộng	11.168.084.019	5.310.084.019	5.858.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn cá nhân	Cộng
Số đầu năm	5.858.000.000	-	5.858.000.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	7.075.000.000	7.075.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(188.365.981)	(1.685.767.695)	(1.874.133.676)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(3.759.634.019)	(4.869.232.305)	(8.628.866.324)
Số cuối năm	1.910.000.000	520.000.000	2.430.000.000

13. Vốn chủ sở hữu**13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	66.000.000.000	17.154.339.501	83.154.339.501
Lợi nhuận trong năm trước	-	2.326.094.411	2.326.094.411
Số dư cuối năm trước	66.000.000.000	19.480.433.912	85.480.433.912
		-	
Số dư đầu năm nay	66.000.000.000	19.480.433.912	85.480.433.912
Lợi nhuận trong năm	-	2.453.245.017	2.453.245.017
Số dư cuối năm nay	66.000.000.000	21.933.678.929	87.933.678.929

13b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	6.600.000	6.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	6.600.000	6.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	6.600.000	6.600.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 440,7 USD (số đầu năm là 188,35 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	111.542.051.300	109.555.227.705
Doanh thu bán thành phẩm	3.705.310.000	-
Doanh thu bán điện mặt trời	1.335.264.900	1.214.747.482
Cộng	116.582.626.200	110.769.975.187

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	110.121.430.856	103.758.884.261
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.786.326.115	-
Giá vốn bán điện	458.091.975	452.432.479
Cộng	<u>113.365.848.946</u>	<u>104.211.316.740</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	549.972	213.551
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	19.535.111	13.980.280
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	41.775
Lãi chuyển nhượng công ty con	2.090.000.000	-
Cộng	<u>2.110.085.083</u>	<u>14.235.606</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.414.915.578	1.944.638.074
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	726.337	-
Chi phí tài chính khác	31.935	855.374
Cộng	<u>1.415.673.850</u>	<u>1.945.493.448</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	268.414.296	233.279.203
Thuế, phí và lệ phí	109.945.518	138.989.589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	336.464.240	428.175.987
Các chi phí khác	7.734.062	114.909.622
Cộng	<u>722.558.116</u>	<u>915.354.401</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế GTGT không được khấu trừ	-	382.031.795
Thuế truy thu, chậm nộp thuế	103.426.884	17.678.145
Chi phí khác	-	176.810.300
Cộng	<u>103.426.884</u>	<u>576.520.240</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.453.245.017	2.326.094.411
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.453.245.017	2.326.094.411
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.600.000	6.600.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	372	352

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	981.851.483	684.953.943
Chi phí nhân công	1.006.682.387	1.016.404.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.339.259.204	2.339.259.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	497.107.237	709.030.325
Chi phí khác	117.679.580	280.338.757
Cộng	4.942.579.891	5.029.986.832

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không nhận thù lao trong năm. Thu nhập của các thành viên chủ chốt chỉ bao gồm thu nhập của Giám đốc Công ty:

	<u>Tiền lương</u>	<u>Phụ cấp</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Ông Nguyễn Văn Công			
Năm nay	90.000.000	12.000.000	102.000.000
Năm trước	84.000.000	-	-

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là bán thương mại, sản xuất vật liệu xây dựng và trong lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Tiến Độ

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Độ



Hoàng Văn Công